**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/DS - ST
Ngày: 24/5/2024
*V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – TP. HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Hồ Thị Thủy Tiên
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Đinh Kim Hoàng
2. Bà Võ Thanh Nga
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 4
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 4, Tp . xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 346/2023/TLST- DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định hoãn phiên tòa số 343/2024/QĐST – DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 346/2024/QĐXX - ST ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam)
Trụ sở: 91 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. HCM
Đại diện ủy quyền bà Nguyễn Phước Quỳnh G – giấy ủy quyền ngày 26/12/2023
- Bị đơn: bà Hàng Thị Tuyết N, sinh năm 1976
Địa chỉ: A T, Phường C, Quận D, Tp .

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2023, bản tự khai và các biên bản làm việc tiếp sau đó, Đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Phước Quỳnh G – là đại diện theo ủy quyền trình bày ý kiến và yêu cầu như sau:

Ngày 24/11/2022, đương sự N ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4006837 với Công ty T vay số tiền là 25.613.000 đồng. Sau khi ký kết nguyên đơn đã tiến hành giải ngân theo thỏa thuận trong hợp đồng. Đương sự có trách nhiệm thanh toán hàng tháng số tiền 1.679.134 đồng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 25/12/2022 đến ngày 25/11/2024. Tuy nhiên, sau khi giải ngân đương sự N đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty. Công ty đã nhiều lần liên hệ với đương sự nhưng đương sự vẫn không thanh toán. Do đương sự N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên tính đến ngày 22/3/2024 đương sự còn phải thanh toán Công ty các khoản sau: Dư nợ gốc 25.613.000 đồng, lãi quá hạn chưa thanh toán (phát sinh trong hạn) 12.128.203 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn (lãi quá hạn) 5.617.568 đồng, lãi chậm trả 876.834 đồng. Tổng cộng 44.235.605 đồng. Tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 23/3/2024 cho đến khi đương sự thanh toán hết khoản nợ. Công

ty T chỉ yêu cầu cá nhân bà N có trách nhiệm trả khoản nợ, không yêu cầu đưa thêm người vào tham gia tố tụng.

Bị đơn bà Hàng Thị Tuyết N: vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tống đạt và triệu tập hợp lệ. Đương sự không đến Tòa để tham gia phiên họp, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa nên Tòa án không thu thập được chứng cứ gì của bị đơn.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an P, Quận D, Tp . " Đương sự Hàng Thị Tuyết N, sinh năm 1976, HKTT A T, Phường C, Quận D, Tp ., hiện không thực tế cư trú tại địa phương, nhà bán 06/2009 đi đâu không rõ"

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có mặt; phía bị đơn bà N vắng mặt lần thứ hai, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung của vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Công ty T (Việt Nam) có đơn khởi kiện yêu cầu bà Hàng Thị Tuyết N trả tiền nợ vay tín dụng. Căn cứ hợp đồng tín dụng số 4006837 ngày 24/11/2022, thì có cơ sở xác định giữa nguyên đơn Công ty T và bà N đã xác lập quan hệ tín dụng. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền nợ vay gồm nợ gốc và lãi chậm trả đây là vụ án dân sự "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Căn cứ kết quả xác minh của Công an P, Quận D, Tp . "Đương sự Hàng Thị Tuyết N, sinh năm 1976, HKTT A T, Phường C, Quận D, Tp ., hiện không thực tế cư trú tại địa phương, nhà bán 06/2009 đi đâu không rõ". Theo đơn khởi kiện, thì người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn nhưng đương sự không có nơi cư trú ổn định, thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú…thì Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 4 có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Đối với số tiền nợ gốc và lãi: Căn cứ vào đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4006837 ngày 24/11/2022 do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bà N có quan hệ vay tiền với hình thức cấp tín dụng với số tiền là 25.613.000 đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà N có trách nhiệm thanh toán số tiền là 1.679.134 đồng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 25/12/2022 đến ngày 25/11/2024. Thực hiện hợp đồng bà N đã nhận đủ tiền, đương sự N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 24/5/2024 đương sự còn phải thanh toán Công ty các khoản sau: Dư nợ gốc 25.613.000 đồng, lãi quá hạn chưa thanh toán (phát sinh

trong hạn) 13.069.845 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn (lãi quá hạn) 7.452.085 đồng, lãi chậm trả 1.097.718 đồng. Tổng cộng 47.232.648 đồng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán toàn bộ khoản nợ trên và tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 25/5/2024 cho đến khi đương sự thanh toán hết khoản nợ, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 và Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng, Công ty tài chính yêu cầu bà N trả số tiền nợ gốc và nợ lãi trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Hàng Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.361.632 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng)

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; Điều 203, Điều 220, Điều 227 và khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 và Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam).

Buộc bà Hàng Thị Tuyết N có trách nhiệm trả cho Công ty T (Việt Nam) số tiền nợ tạm tính đến ngày 24/5/2024 đương sự còn phải thanh toán Công ty các khoản sau: Dư nợ gốc 25.613.000 đồng, lãi quá hạn chưa thanh toán (phát sinh trong hạn) 13.069.845 đồng, lãi trên dư nợ gốc quá hạn (lãi quá hạn) 7.452.085 đồng, lãi chậm trả 1.097.718 đồng. Tổng cộng 47.232.648 đồng. Theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4006837 ngày 24/11/2022.

Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 25/5/2024 trở đi bà N còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

2. Về án phí:

Bà Hàng Thị Tuyết N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.361.632 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng)

Hoàn trả cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí mà Công ty đã nộp là 871.000 đồng (tám trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042763 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 4.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTp. HCM;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục T;
- Lưu VP – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hồ Thị Thủy Tiên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)**

**Hồ Thị Thủy Tiên**

Nơi nhận:
- TANDTp. HCM;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu VP – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hồ Thị Thủy Tiên**

| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TÒA | THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN |
| --- | --- |
| | (Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu) |
| | Hồ Thị Thủy Tiên |